

Bản án số: 317/2018/HSST

Ngày: 18/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trương Thị Thìn
2. Ông Trần Văn Chánh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 280/2018/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1992, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký NKTT: 621 Tây Lạc ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông Phạm Văn D, sinh năm 1964 và bà Từ Thị Đ, sinh năm 1964. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm.

Bị bắt ngày 10/5/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là người nghiện ma túy. Khoảng 00 giờ ngày 10/5/2018, Tài đến khu vực nghĩa trang Ngũ Phúc thuộc xã Hồ Nai 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai mua 02 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) của B (không rõ lai lịch) với giá 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) để sử dụng.

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 10/5/2018, Tài cất giấu 01 gói ma túy tổng hợp dưới lòng bàn chân trái và 01 gói ma túy cầm trên tay phải đi đến trước nhà số 100, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa thì bị Công an phường T, thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang.

- Vật chứng thu giữ:

+ 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M) đã được niêm phong có chữ ký của Phạm Văn T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 01626.591.495, số imel 356412076194981 của T không liên quan đến việc phạm tội.

- Tại Kết luận giám định số 240/PC54-GĐMT ngày 14/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3139 gam, loại: Methamphetamine.

Tại cáo trạng số 280/CT/VKS-BH ngày 08 tháng 8 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Văn T, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tài thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Tài không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận, bị cáo là người nghiện ma túy. Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 10/5/2018, tại trước nhà số 100, khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, bị cáo có hành vi cất giấu trái phép 02 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) trong người của bị cáo, mục đích để bị cáo sử dụng cho bản thân thì bị Công an phường T, thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang, thu giữ 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng đã được niêm phong để giám định. Theo kết luận giám định, mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,3139 gam, loại: Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định số 82/2013/ NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ).

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi

xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tài tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng nhỏ, mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại nghiện chất ma túy, không có điều kiện để thi hành. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu và tiêu hủy số lượng ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 gói niêm phong số 240/PC54-GĐMT ngày 15/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 01626.591.495, số imel 356412076194981, do không liên quan đến việc phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

[9] Đối với đối tượng tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Phạm Văn T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 (Một) gói niêm phong số 240/PC54-GĐMT ngày 15/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai (Mẫu vật còn lại sau giám định) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 01626.591.495, số imel 356412076194981, do không liên quan đến việc phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Trần Văn Hùng